TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 407/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Hiền Huệ;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang. .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo*** tham gia phiên tòa*:* Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2019/QĐST-DS ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Mai Tr, sinh năm 1973(có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai Tr trình bày: Chị và anh H sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 1991 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/9/1991.

Qua quá trình chung sống, Chị và anh H đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn U, sinh ngày 15/12/1994 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 19/4/2005;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng, có mâu thuẫn do kinh tế gia đình, anh H không lo cho gia đình và hay sử dụng bạo lực gia đình. Chị đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh H nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh H. Khi ly hôn: Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Y. Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phần trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Văn H: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ anh H.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, giao cháu Y cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và buộc đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tr có đơn khởi kiện đối với anh H. Anh H có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Tr có đơn xin ly hôn với anh H. Chị Tr và anh H có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con".

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh H. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Nguyên nhân chị Tr xin ly hôn với anh H là do anh H không quan tâm đến gia đình, không cùng Chị xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, anh H thường xuyên bạo lực gia đình và Chị đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh H là có thật, là trầm trọng, thể hiện qua việc, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho phía anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do và cũng như không đưa ra được phương án, kế hoạch để đoàn tụ cùng với chị Tr. Việc anh H vắng mặt, không đưa ra ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Tr, thì xem như anh H đã đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Tr và từ bỏ quyền của mình.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Y hiện đang sống cùng chị Tr và anh H. Cháu Y có ý kiến sống cùng ai cũng được khi Tòa án giải quyết cho chị Tr và anh H ly hôn. Chị Tr có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Y và anh H không có ý kiến gì nên cần giao cháu Y cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu U đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong xuốt quá trình giải quyết vụ án, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Đối với anh H, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đượng sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai Tr đối với anh Nguyễn Văn H. Chị Tr được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 19/4/2005 cho chị Nguyễn Thị Mai Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cháu Y.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Tr phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Chị đã nộp theo biên lai thu số 0015926 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, xem như chị Tr đã thực hiện xong.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tr có quyền kháng cáo, riêng anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L;
- Lưu.